

# TÓM TẮT CHÍNH SÁCH

## HUY ĐỘNG VỐN CHO CƠ SỞ HẠ TẦNG NĂNG LƯỢNG BỀN VỮNG TẠI VIỆT NAM:

Từ tham vọng quy hoạch đến triển khai dự án có khả năng huy động vốn

### BỐI CẢNH CHIẾN LƯỢC

Quá trình chuyển dịch của Việt Nam sang hạ tầng năng lượng bền vững không chỉ là một lựa chọn chính sách theo ngành mà là một cấu phần cốt lõi của chiến lược phát triển quốc gia. Định hướng này đã được xác lập rõ ràng ở cấp chính trị cao nhất. Nghị quyết số 55-NQ/TW của Bộ Chính trị xác định năng lượng là nền tảng của an ninh quốc gia, năng lực cạnh tranh kinh tế và tăng trưởng dài hạn, đồng thời kêu gọi chuyển dịch sang các cơ chế dựa trên thị trường, đa dạng hóa các nguồn vốn và tăng cường quản trị thể chế. Nghị quyết cũng nêu rõ rằng nguồn lực công là không đủ và cần huy động đầu tư tư nhân quy mô lớn dưới sự giám sát chặt chẽ của Nhà nước.

Nghị quyết số 140/NQ-CP của Chính phủ cụ thể hóa tầm nhìn chiến lược này thành các nhiệm vụ thể chế rõ ràng. Nghị quyết giao Bộ Kế hoạch và Đầu tư (nay là Bộ Tài chính) giữ vai trò trung tâm trong việc định hình chính sách tài khóa, cơ chế ưu đãi đầu tư, quản trị đấu thầu và các công cụ tài chính nhằm ưu tiên phát triển hạ tầng năng lượng bền vững, thúc đẩy kết nối vùng và bảo đảm ổn định kinh tế vĩ mô – tài khóa. Đáng chú ý, Nghị quyết 140 đặt chính sách chuyển dịch năng lượng không chỉ là nhiệm vụ kỹ thuật của cơ quan quản lý ngành năng lượng mà là một bài toán của hệ thống tài chính công và đầu tư.

Trong khuôn khổ đó, báo cáo cuối cùng của dự án “Khung chính sách chuyên biệt cho đầu tư và phát triển hạ tầng năng lượng bền vững” cung cấp bằng chứng phân tích, đối sánh quốc tế và hướng dẫn triển khai nhằm hỗ trợ Bộ Tài chính và Chính phủ thiết kế một lộ trình chuyển dịch năng lượng dựa trên đầu tư, phù hợp với cơ chế thị trường và bảo đảm kỷ luật tài khóa.

### VÌ SAO CHUYỂN DỊCH NĂNG LƯỢNG ĐÃ BƯỚC SANG GIAI ĐOẠN KHÓ KHĂN HƠN?

Trong giai đoạn áp dụng cơ chế giá điện hỗ trợ (Feed-in Tariff), Việt Nam đã đạt được tốc độ mở rộng công suất năng lượng tái tạo rất nhanh nhờ giá mua điện do Nhà nước ấn định, cấu trúc dự án tương đối đơn giản và sự phụ thuộc lớn vào bảng cân đối của các ngân hàng trong nước. Giai đoạn đó nay đã kết thúc. Hệ thống hiện đã bước sang một giai đoạn khác về chất, được đặc trưng bởi:

- Các công nghệ có cường độ vốn lớn như điện gió ngoài khơi và lưu trữ điện quy mô lớn
- Hạ tầng có vai trò then chốt đối với hệ thống như các hành lang truyền tải 500 kV và đường dây HVDC
- Mức độ rủi ro cao hơn liên quan đến điều độ, tắc nghẽn và cắt giảm công suất
- Sự phụ thuộc lớn hơn vào nguồn vốn dài hạn và vốn quốc tế.



Các loại tài sản này có hồ sơ rủi ro hoàn toàn khác so với các dự án điện mặt trời và điện gió trước đây. Chúng đòi hỏi dòng tiền dài hạn ổn định, phân bổ rủi ro rõ ràng và cơ chế thanh toán đáng tin cậy. Trong khi đó, dư địa tài khóa ngày càng thu hẹp, lãi suất toàn cầu duy trì ở mức cao và các tổ chức cho vay trở nên thận trọng hơn.

Do đó, ràng buộc mang tính quyết định đã thay đổi. Việt Nam không thiếu tài nguyên năng lượng tái tạo hay sự quan tâm của nhà đầu tư. Rào cản nằm ở năng lực thể chế trong việc chuyển các mục tiêu quy hoạch theo Quy hoạch điện VIII thành danh mục dự án đầu tư có khả năng huy động vốn và triển khai được trên thực tế.

## **NHỮNG BẰNG CHỨNG VỀ TÁC ĐỘNG KINH TẾ VÀ TÀI KHÓA**

Phân tích định lượng trong báo cáo cung cấp những làm rõ quan trọng cho thiết kế chính sách.

- Thứ nhất, phân tích chi phí – lợi ích cho thấy các kịch bản phù hợp với Quy hoạch điện VIII mang lại lợi ích phúc lợi ròng dương so với kịch bản cơ sở. Các lợi ích này chủ yếu xuất phát từ sự thay đổi cơ cấu nguồn điện trong suốt vòng đời tài sản, bao gồm giảm nhập khẩu nhiên liệu, giảm phát thải và cải thiện sức khỏe cộng đồng. Những lợi ích này không phụ thuộc vào việc kìm giữ giá điện trong ngắn hạn.
- Thứ hai, phân tích mô hình tự hồi quy vector cho thấy các kịch bản có tỷ trọng năng lượng tái tạo cao có thể hỗ trợ tăng trưởng kinh tế và ổn định phát thải của ngành điện trong thập niên 2030, nhưng chỉ khi giá điện được phép điều chỉnh nội sinh dưới sự quản lý của Nhà nước. Việc áp đặt kiểm soát giá mang tính hành chính cứng nhắc làm suy yếu tín hiệu đầu tư và làm gia tăng khả năng Nhà nước phải can thiệp tài khóa trong tương lai.

Quan trọng nhất, cả hai phân tích đều chỉ ra một điểm dễ tổn thương trong giai đoạn

chuyển tiếp từ năm 2025 đến năm 2030. Nhiều dự án có hiệu quả kinh tế trong suốt vòng đời nhưng lại không thể đạt được chót tài chính trong điều kiện hiện tại về giá điện, điều độ và thanh toán. Điều này tạo ra một nghịch lý: quá trình chuyển dịch mang lại lợi ích phúc lợi về mặt lý thuyết nhưng lại mong manh trong thực tiễn triển khai.

Đối với chính sách tài khóa, phát hiện này có ý nghĩa then chốt. Khi các khoảng trống về khả năng huy động vốn kéo dài, Chính phủ hiếm khi tránh được việc can thiệp. Thay vào đó, chi phí thường phát sinh muộn hơn dưới dạng nợ đọng, tái đàm phán, áp lực lên bảng cân đối hoặc các bảo lãnh ngầm. Những kết cục này tiềm ẩn rủi ro tài khóa lớn hơn so với các hình thức hỗ trợ rõ ràng và được thiết kế tốt ngay từ đầu.

## **NHỮNG BÀI HỌC KINH NGHIỆM QUỐC TẾ**

Kinh nghiệm quốc tế cho thấy các quá trình chuyển dịch năng lượng quy mô lớn thành công không phải nhờ mức giá cao hay trợ cấp hào phóng, mà nhờ kiến trúc chính sách nhất quán và đồng bộ.

Tại châu Âu, Đông Á và nhiều nền kinh tế mới nổi lớn, các hệ thống thành công đều có những đặc điểm chung sau:

- Rủi ro doanh thu được ổn định thông qua các công cụ có cấu trúc thay vì đàm phán ad hoc
- Công tác đấu thầu gắn chặt với khả năng tiếp nhận của lưới điện và mức độ sẵn sàng của hệ thống
- Lưu trữ và tính linh hoạt được coi là các loại tài sản có thể đầu tư với nguồn doanh thu xác định
- Các cam kết dài hạn được quản lý bằng các “lan can” tài khóa rõ ràng.

Trong các hệ thống này, Bộ Tài chính đóng vai trò quyết định, không phải bằng cách ấn định giá kỹ thuật, mà bằng việc bảo đảm các cơ chế hỗ trợ có độ tin cậy, có giới hạn và minh bạch. Khi thiếu những khuôn khổ như vậy, đầu tư sẽ đình trệ ngay cả khi mục tiêu quy hoạch rất tham vọng.



## **KHUNG CHÍNH SÁCH DỰA TRÊN DANH MỤC ĐỐI VỚI VIỆT NAM**

Báo cáo đề xuất một kiến trúc chính sách dựa trên danh mục, được tổ chức thành năm gói chính sách có tính hỗ trợ lẫn nhau. Các gói này cần được hiểu là các cấu phần của một hệ thống triển khai thống nhất, không phải là các chính sách riêng lẻ.

### **Gói A – Ổn định doanh thu nhưng vẫn bảo toàn tín hiệu thị trường**

Trong giai đoạn chuyển tiếp, việc khôi phục khả năng dự báo doanh thu là điều kiện then chốt để bảo đảm khả năng huy động vốn. Điều này đòi hỏi phải vượt ra khỏi cơ chế giá FIT cố định mà không đẩy nhà đầu tư vào rủi ro thị trường chưa được quản lý đầy đủ.

Cách tiếp cận được khuyến nghị bao gồm:

- Phụ phí giá điện dựa trên đấu thầu cho các công nghệ đã trưởng thành
- Hợp đồng hai chiều kiểu CfD có chọn lọc cho các tài sản có cường độ vốn lớn
- Hợp đồng mua bán điện chuẩn hóa, có khả năng huy động vốn và quy tắc thanh toán có tính cưỡng chế
- Mở rộng dần các thỏa thuận mua bán điện trực tiếp

Từ góc độ tài khóa, nguyên tắc cốt lõi là mọi nghĩa vụ hỗ trợ đều phải được xác định rõ ràng, có trần và được công bố. Điều này cho phép Bộ Tài chính quản lý rủi ro chủ động thay vì phải gánh chịu chi phí một cách bị động.

### **Gói B – Đấu thầu gắn với khả năng triển khai**

Trong các hệ thống có tỷ trọng năng lượng tái tạo cao, khả năng tiếp cận lưới điện và rủi ro cắt giảm công suất không còn là vấn đề kỹ thuật đơn thuần. Chúng là các biến số tài chính quyết định quy mô nợ và chi phí vốn.

Gói chính sách này bảo đảm rằng khối lượng đấu thầu phù hợp với:

- Công suất lưới sẵn sàng và các kế hoạch tăng cường lưới đã được xác nhận

- Công tác tiền phát triển do Nhà nước dẫn dắt đối với điện gió ngoài khơi
- Quy tắc cắt giảm công suất rõ ràng và có thể huy động vốn
- Triển khai các công nghệ tăng cường lưới

Lợi ích tài khóa là giảm rủi ro tái đàm phán và tránh các tài sản bị mắc kẹt, vốn thường đòi hỏi Nhà nước phải can thiệp sau này.

### **Gói C – Tính linh hoạt của hệ thống như một loại tài sản có thể đầu tư**

Nếu thiếu các giải pháp linh hoạt có khả năng đầu tư, việc mở rộng năng lượng tái tạo sẽ dẫn đến gia tăng cắt giảm công suất và chi phí hệ thống. Lưu trữ và điều chỉnh phụ tải không thể phát triển chỉ dựa vào doanh thu thị trường tự do tại các nền kinh tế mới nổi.

Gói này bao gồm:

- Doanh thu sẵn sàng theo hợp đồng cho các dự án lưu trữ
- Thị trường dịch vụ phụ trợ với quy tắc cộng gộp doanh thu rõ ràng
- Yêu cầu lai ghép công nghệ có mục tiêu
- Quản lý nhu cầu điện như một công cụ đấu thầu

Đối với Bộ Tài chính, gói này cần được hiểu như một biện pháp tránh chi phí trong tương lai, giúp giảm đầu tư khẩn cấp và các cú sốc tài khóa.

### **Gói D – Trưởng thành tài chính và lan can tài khóa**

Các tài sản có vòng đời dài đòi hỏi nguồn vốn dài hạn. Việc Việt Nam phụ thuộc nhiều vào tín dụng ngân hàng trong nước có kỳ hạn ngắn làm gia tăng rủi ro tái cấp vốn và nâng cao chi phí vốn bình quân.

Gói này giải quyết vấn đề thông qua:

- Tăng cường tín dụng của ngân hàng chính sách trong giới hạn phơi nhiễm
- Phát triển thị trường trái phiếu xanh và tài chính hạ tầng
- Khuôn khổ cho tái cấp vốn và tái chu chuyển vốn



- Hệ thống đăng ký nghĩa vụ dự phòng và kiểm tra sức chịu đựng do Bộ Tài chính chủ trì.

Mục tiêu trung tâm là thu hút nguồn vốn dài hạn mà không tạo ra các nghĩa vụ tiềm ẩn.

### **Gói E – Thể chế triển khai và năng lực thực thi**

Rủi ro triển khai chuyển hóa trực tiếp thành chi phí tài chính cao hơn. Giảm “phí rủi ro triển khai” này quan trọng không kém việc điều chỉnh giá điện.

Gói này tập trung vào:

- Cơ chế cấp phép một cửa trên nền tảng số với thời hạn pháp lý rõ ràng
- Cơ chế chấp nhận xã hội và chia sẻ lợi ích
- Phát triển nguồn nhân lực có mục tiêu
- Nghiên cứu và phát triển ứng dụng và hỗ trợ chuỗi cung ứng chiến lược

Những biện pháp này giúp giảm lãi suất trong giai đoạn xây dựng, hạn chế rủi ro chậm tiến độ và nâng cao độ tin cậy của quá trình triển khai.

### **VAI TRÒ THỂ CHẾ VÀ QUẢN TRỊ TRIỂN KHAI**

Việc huy động hiệu quả vốn tư nhân cho hạ tầng năng lượng bền vững không chỉ đòi hỏi các công cụ chính sách được thiết kế tốt, mà còn cần phân định rõ trách nhiệm thể chế đối với phân bổ rủi ro, phơi nhiễm tài khóa và kết quả triển khai. Kinh nghiệm quốc tế và thực tiễn hậu FIT của Việt Nam cho thấy sự phân mảnh về vai trò dẫn đến chậm tiến độ dự án, chi phí tài chính gia tăng và tích tụ các nghĩa vụ tài khóa ngầm.

**Bộ Tài chính** giữ vai trò neo trung tâm trong khuôn khổ đề xuất. Theo Nghị quyết số 140/NQ-CP, Bộ Tài chính có trách nhiệm bảo đảm các cơ chế hỗ trợ năng lượng bền vững về mặt tài khóa, minh bạch và phù hợp với kế hoạch ngân sách trung hạn. Trên thực tế, điều này bao gồm việc xác định khung tài khóa cho các công cụ ổn định doanh thu, giám sát phơi nhiễm nghĩa vụ dự phòng từ các hợp đồng kiểu CfD và đầu tư lưới điện,

phê duyệt khối lượng đấu thầu và trần hỗ trợ, đồng thời bảo đảm các cơ chế thanh toán có độ tin cậy và được khoanh vùng. Vai trò của Bộ Tài chính không phải là điều hành thị trường điện, mà là bảo đảm các công cụ thị trường không chuyển hóa thành các cam kết tài khóa ngầm hoặc không kiểm soát.

**Bộ Công Thương** tiếp tục là cơ quan chủ trì về quy hoạch ngành điện, thiết kế thị trường và quản lý kỹ thuật. Bộ Công Thương chịu trách nhiệm chuyển hóa các mục tiêu của Quy hoạch điện VIII thành lịch trình đấu thầu, xác định tiêu chí đủ điều kiện và yêu cầu kỹ thuật cho các cuộc đấu thầu, thiết kế các quy tắc thị trường về giá, điều độ và dịch vụ phụ trợ, cũng như bảo đảm sự nhất quán giữa phát triển nguồn điện, mức độ sẵn sàng của lưới và tính linh hoạt của hệ thống. Sự phối hợp chặt chẽ với Bộ Tài chính là điều kiện cần thiết để các lựa chọn thiết kế thị trường và quy mô đấu thầu phù hợp với năng lực tài khóa và kỷ luật thanh toán.

**Tập đoàn Điện lực Việt Nam và Đơn vị vận hành hệ thống và thị trường điện quốc gia** đóng vai trò xương sống trong vận hành. Dù không phải là cơ quan tài khóa, hiệu quả hoạt động của các đơn vị này ảnh hưởng trực tiếp đến khả năng huy động vốn thông qua các quyết định điều độ, thời gian thanh toán và độ tin cậy của dòng tiền. Do đó, các quy tắc rõ ràng về ưu tiên thanh toán, quản lý nợ đọng và minh bạch dòng tiền thanh toán là hết sức quan trọng. Các tài khoản được khoanh vùng và các biện pháp khắc phục được xác định trước khi xảy ra thiếu hụt là cần thiết để biến quyền lợi hợp đồng thành dòng tiền đáng tin cậy đối với nhà đầu tư và bên cho vay.

**Ngân hàng Nhà nước Việt Nam** đóng vai trò hỗ trợ then chốt bằng cách định hình cách thức hệ thống tài chính đánh giá các tài sản năng lượng. Các hướng dẫn an toàn vĩ mô về hệ số bao phủ nợ, kỳ hạn vốn vay, rủi ro tỷ giá và giới hạn phơi nhiễm quyết định việc các dự án được hỗ trợ thông qua đấu thầu, FiP hay CfD có được các ngân hàng trong nước coi là có khả năng huy động vốn hay không. Do đó, cần có sự phối hợp giữa Bộ Tài chính và Ngân hàng Nhà nước để bảo



đảm các công cụ tài khóa và quy định tài chính vận hành như một hệ thống thống nhất thay vì các cải cách song song.

**Ủy ban nhân dân cấp tỉnh** có vai trò quyết định đối với khâu triển khai. Tiếp cận đất đai, thời gian cấp phép, mức độ sẵn sàng của lưới điện địa phương và sự chấp thuận của cộng đồng đều nằm ở cấp tỉnh. Do đó, khuôn khổ đề xuất gắn việc đủ điều kiện đấu thầu và trao dự án với các tiêu chí sẵn sàng có tính cưỡng chế, bảo đảm chỉ phân bổ công suất tại những nơi có điều kiện về đất đai, cấp phép và lưới điện để hỗ trợ triển khai đúng tiến độ. Cách tiếp cận này giúp giảm rủi ro triển khai và ngăn ngừa việc tích tụ các cam kết bị mắc kẹt, vốn cuối cùng tạo áp lực tài khóa.

Tổng thể, sự phối hợp thể chế này chuyển dịch quá trình chuyển đổi năng lượng từ một chương trình mang tính ngành sang một hệ thống triển khai đầu tư ở cấp toàn Chính phủ. Việc phân định rõ vai trò, phối hợp dựa trên quy tắc và giám sát tài khóa minh bạch là điều kiện then chốt để biến tham vọng chính sách thành các dự án có khả năng huy động vốn, nguồn cung điện tin cậy và tài chính công bền vững.

### **TRIỂN KHAI: TỪ THIẾT KẾ CHÍNH SÁCH ĐẾN KỶ LUẬT THỰC THI**

Hiệu quả của khuôn khổ đề xuất không chỉ phụ thuộc vào thiết kế chính sách mà còn vào việc triển khai có kỷ luật, theo trình tự và có độ tin cậy thể chế. Kinh nghiệm quốc tế và quỹ đạo hậu FIT của Việt Nam cho thấy các công cụ dù có ý tốt vẫn thất bại khi việc triển khai cho phép sự bất định, điều chỉnh tùy tiện hoặc bảo trợ tài khóa ngầm thay thế cho các quy tắc dự báo được.

Theo đó, báo cáo nhấn mạnh bốn nguyên tắc cốt lõi trong triển khai:

#### **Xem các công cụ hỗ trợ doanh thu là cam kết tài khóa, không phải trợ cấp ngành.**

Phụ phí gắn với đấu thầu, hợp đồng kiểu CfD và các khoản thanh toán sẵn sàng tạo ra các nghĩa vụ đa niên có tính chất gần giống nghĩa vụ tài khóa. Độ tin cậy của các công cụ này đối với nhà đầu tư phụ thuộc vào khung ngân

sách rõ ràng, cơ chế thanh toán minh bạch và việc công bố có hệ thống các nghĩa vụ dự phòng. Quản lý các công cụ này như một phần của kiến trúc tài khóa giúp giảm rủi ro nợ đọng, tái đàm phán và hỗ trợ ngầm sau này.

#### **Ưu tiên tính dự báo hơn là mức độ hào phóng, bởi sự ổn định giúp giảm tổng chi phí hệ thống.**

Kết quả đầu tư và điều kiện tài chính nhạy cảm hơn với sự ổn định so với những thay đổi ngắn hạn về thông số giá. Lịch trình đấu thầu đa niên, hợp đồng chuẩn hóa và cơ chế điều chỉnh dựa trên quy tắc giúp giảm phụ phí rủi ro, rút ngắn thời gian chốt tài chính và giảm lãi suất trong giai đoạn xây dựng. Do đó, tính dự báo mang lại chi phí hệ thống thấp hơn và kỷ luật tài khóa mạnh hơn so với điều chỉnh tùy ý.

#### **Sắp xếp trình tự công cụ theo mức độ sẵn sàng và khả năng huy động vốn, không theo tư tưởng.**

Các công nghệ và phân khúc thị trường khác nhau đòi hỏi mức độ chắc chắn về doanh thu khác nhau, tùy thuộc vào cường độ vốn, thời gian xây dựng và nhu cầu tái cấp vốn. Các công nghệ đã trưởng thành có thể dần dựa vào đấu thầu cạnh tranh với mức ổn định hạn chế, trong khi các tài sản có cường độ vốn lớn như điện gió ngoài khơi, lưu trữ và truyền tải chiến lược cần sự chắc chắn hợp đồng cao hơn trong giai đoạn đầu. Việc lựa chọn công cụ cần dựa trên khả năng huy động vốn và mức độ sẵn sàng của hệ thống, thay vì một cách tiếp cận đồng nhất hoặc mang tính ý thức hệ.

#### **Hoàn thiện nền tảng thị trường để các cơ chế hỗ trợ không trở thành giá cố định trên thực tế.**

Các công cụ ổn định doanh thu chỉ còn phù hợp với thị trường khi cơ chế hình thành giá bán buôn, quy tắc điều độ và kỷ luật thanh toán đủ độ tin cậy. Nếu trần giá hành chính, điều độ thiếu minh bạch hoặc thanh toán yếu kém kéo dài, các công cụ hỗ trợ sẽ liên tục bị kích hoạt và vận hành như giá cố định ngầm, làm gia tăng phơi nhiễm tài khóa và làm suy yếu động lực của hệ thống. Do đó, hoàn thiện



nền tảng thị trường là điều kiện thiết yếu để bảo toàn cả khả năng huy động vốn và kiểm soát tài khóa.

Việc triển khai cần được tổ chức theo các “công sẵn sàng” thay vì mốc thời gian hành chính, bảo đảm khả năng huy động vốn, khả năng tiếp nhận của lưới và độ sâu của thị trường được cải thiện một cách đồng bộ. Mở rộng công suất trước khi các điều kiện này được đáp ứng sẽ có nguy cơ tái diễn tình trạng cắt giảm công suất, tái đàm phán và suy giảm uy tín như đã xảy ra vào cuối giai đoạn FIT. Triển khai theo trình tự, gắn với mức độ sẵn sàng, là con đường đáng tin cậy nhất để chuyển từ thiết kế chính sách sang triển khai dự án có khả năng huy động vốn và đạt được các kết quả bền vững cho hệ thống.

## **KẾT LUẬN**

Chuyển dịch năng lượng của Việt Nam là cần thiết về mặt chiến lược và có cơ sở vững chắc về kinh tế. Câu hỏi mang tính quyết định không phải là có huy động vốn tư nhân hay không, mà là liệu Nhà nước có cung cấp được một kiến trúc thể chế cho phép dòng vốn vận hành một cách dự báo được và an toàn hay không.

Khung chính sách được trình bày trong bản tóm tắt này đưa ra một lộ trình nhất quán để chuyển hóa Quy hoạch điện VIII và các định hướng của Nghị quyết 55 và Nghị quyết 140 thành các dự án có khả năng huy động vốn trên thực tế. Nếu được triển khai với kỷ luật, minh bạch và phối hợp thể chế chặt chẽ, khung chính sách này có thể đồng thời hỗ trợ an ninh năng lượng, ổn định kinh tế vĩ mô và cam kết Net Zero của Việt Nam.

---

*Ấn phẩm này được thực hiện với sự hỗ trợ của Chương trình Đối tác Chuyển dịch Năng lượng Đông Nam Á (ETP), trong khuôn khổ Dự án Chính sách ưu tiên Phát triển Hạ tầng Năng lượng Bền vững tại Việt Nam. Nội dung của ấn phẩm hoàn toàn thuộc trách nhiệm của Liên danh VGSEI và không nhất thiết phản ánh quan điểm của ETP và các đối tác của chương trình.*